

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 29

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400460395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30 tháng 12 năm 2003, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua, trồng và chiết xuất dược liệu làm thuốc.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch	
Ông Alejandro Esteban WeinsteinManieu	Phó Chủ tịch	
Ông Huỳnh Trung Chánh	Thành viên	
Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hóa	Thành viên	
Ông Andrew Hamish Lane	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2015
Ông Jose Guillermo Frugone Domke	Thành viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phi Thức	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Tố Quyên	Thành viên
Ông Phan Thế Thành	Thành viên
Bà Trần Thái Thanh	Thành viên
Bà Servane Marie Amelie Gorgiard	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lương Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Lương Thị Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 2.1, Công ty là công ty mẹ có một công ty con (“Nhóm Công ty”) và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2015



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Building a better
working world

Số tham chiếu: 61197154/17803048/LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 29 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó và báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi đề ngày 25 tháng 8 năm 2015 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề này.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 19 tháng 3 năm 2015. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng được công ty kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 25 tháng 8 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2013-004-1

Ngô Bửu Quốc Đạt
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2198-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		711.224.457.447	638.126.981.622
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	48.071.265.717	28.628.992.541
111	1. Tiền		18.071.265.717	28.628.992.541
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		252.134.406.590	296.003.743.499
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	244.230.575.400	284.947.492.315
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.611.740.708	5.493.906.577
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	6.482.845.211	9.714.978.828
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5,6	(4.190.754.729)	(4.152.634.221)
140	III. Hàng tồn kho	7	407.397.410.355	311.615.210.446
141	1. Hàng tồn kho		407.974.691.785	312.192.491.876
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(577.281.430)	(577.281.430)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.621.374.785	1.879.035.136
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.896.317.066	1.630.929.998
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		324.734.474	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		400.323.245	248.105.138
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		279.402.256.045	290.912.318.866
220	I. Tài sản cố định		246.421.669.068	258.671.741.095
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	194.813.076.980	206.776.086.845
222	Nguyên giá		410.141.905.537	405.556.080.119
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(215.328.828.557)	(198.779.993.274)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	51.608.592.088	51.895.654.250
228	Nguyên giá		56.927.044.059	56.308.155.470
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.318.451.971)	(4.412.501.220)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		2.207.494.900	1.685.601.045
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.207.494.900	1.685.601.045
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	16.691.384.272	15.468.216.971
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.500.000.000	8.500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000	20.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(11.808.615.728)	(13.031.783.029)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		14.081.707.805	15.086.759.755
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	9.917.275.963	10.546.757.711
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	4.164.431.842	4.540.002.044
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		990.626.713.492	929.039.300.488

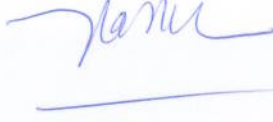
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		280.558.616.396	208.210.671.318
310	I. Nợ ngắn hạn		279.629.519.200	207.140.239.773
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	211.619.106.630	141.749.818.684
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.889.251.596	3.332.786.231
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	10.549.325.479	15.364.848.304
314	4. Phải trả người lao động		72.636.833	20.987.535.049
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	19.291.589.357	21.493.106.895
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	30.035.909.748	3.409.184.408
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.171.699.557	802.960.202
330	II. Nợ dài hạn		929.097.196	1.070.431.545
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	929.097.196	1.070.431.545
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		710.068.097.096	720.828.629.170
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	710.068.097.096	720.828.629.170
411	1. Vốn cổ phần		267.137.970.000	267.137.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140.470.629.894	140.470.629.894
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		242.870.849.543	189.796.687.520
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		59.588.647.659	123.423.341.756
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		59.588.647.659	123.423.341.756
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		990.626.713.492	929.039.300.488



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng





Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	622.439.863.906	851.308.636.754
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(76.738.086.235)	(79.519.334.122)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	545.701.777.671	771.789.302.632
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(360.610.198.224)	(561.476.928.261)
20	5. Lợi nhuận gộp		185.091.579.447	210.312.374.371
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	677.470.021	3.171.437.387
22	7. Chi phí tài chính	21	(867.192.295)	(5.094.320.560)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(3.819.612.392)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(58.096.841.610)	(71.282.994.587)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(41.392.348.057)	(60.508.972.053)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		85.412.667.506	76.597.524.558
31	11. Thu nhập khác	22	1.266.284.878	4.972.487.419
32	12. Chi phí khác		-	(663.423)
40	13. Lợi nhuận khác		1.266.284.878	4.971.823.996
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		86.678.952.384	81.569.348.554
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(18.714.734.523)	(17.343.351.664)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.1	(375.570.202)	333.402.912
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		67.588.647.659	64.559.399.802

Đoàn Thị Quyên
Người lập

Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		86.678.952.384	81.569.348.554
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản	8,9	17.560.886.434	16.710.475.412
03	Các khoản dự phòng		(1.223.167.301)	1.201.957.578
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21	1.669.243.475	735.824.824
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(340.633.791)	(1.116.813.525)
06	Chi phí lãi vay		-	3.819.612.392
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		104.345.281.201	102.920.405.235
09	Giảm các khoản phải thu		43.404.870.601	3.670.112.367
10	Tăng hàng tồn kho		(95.782.199.909)	(12.246.347.420)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		41.268.131.881	(41.526.693.304)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(635.905.320)	564.313.527
13	Tiền lãi vay đã trả		-	(3.925.220.760)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.2	(20.217.517.617)	(17.562.290.865)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		229.996.297	1.398.015.450
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.143.457.303)	(19.232.953.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		46.469.199.831	14.059.340.830
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(5.980.459.673)	(14.715.426.293)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		113.740.000	-
23	Tiền chi cho vay		-	30.000.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được		211.227.124	1.116.813.525
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(5.655.492.549)	16.401.387.232
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được		-	117.572.252.333
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(137.021.108.723)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(21.371.037.600)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(21.371.037.600)	(19.448.856.390)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		19.442.669.682	11.011.871.672
60	Tiền đầu kỳ		28.628.992.541	26.363.745.069
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(396.506)	385.704
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	48.071.265.717	37.376.002.445



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyên
Kế toán trưởng



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400460395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30 tháng 12 năm 2003, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua, trồng và chiết xuất dược liệu làm thuốc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 12 chi nhánh phụ thuộc tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.291 người (31 tháng 12 năm 2014: 1.285 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Công ty là công ty mẹ có một công ty con ("Nhóm Công ty") và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15, tại Thuyết minh số 27 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty có khả năng thu tiền dự kiến tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi bán hay thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán riêng và các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	37 - 50 năm
Bằng sáng chế	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	7 - 8 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	3.652.897.598	2.355.092.349
Tiền gửi ngân hàng	14.418.368.119	26.273.900.192
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	48.071.265.717	28.628.992.541

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh có thời hạn một tháng, và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu từ khách hàng	244.230.575.400	284.947.492.315
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Thuận Gia</i>	24.724.282.024	45.194.877.984
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	219.506.293.376	239.752.614.331
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.119.487.132)	(2.448.207.723)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Tạm ứng cho nhân viên	1.164.077.636	1.663.976.868
Ký quỹ, ký cược	1.395.771.315	1.410.476.675
Cho vay không có lãi	670.000.000	1.400.000.000
Phải thu khác	3.252.996.260	5.240.525.285
TỔNG CỘNG	6.482.845.211	9.714.978.828
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	5.812.845.211	8.314.978.828
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	670.000.000	1.400.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.071.267.597)	(1.704.426.498)

7. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ			
	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	164.879.174.886	-	115.365.732.158	-
Hàng hóa	95.041.433.671	-	66.980.054.632	-
Nguyên vật liệu	93.322.224.744	(577.281.430)	99.948.820.321	(577.281.430)
Hàng mua đang đi đường	30.517.830.362	-	10.734.296.550	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.214.028.122	-	19.163.588.215	-
TỔNG CỘNG	407.974.691.785	(577.281.430)	312.192.491.876	(577.281.430)

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VNĐ				
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	167.107.836.079	191.777.742.751	36.797.188.371	9.873.312.918	405.556.080.119
Mua mới trong kỳ	3.891.789.455	800.136.363	-	(106.100.400)	4.691.925.818
Thanh lý	-	-	-	-	(106.100.400)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	170.999.625.534	192.577.879.114	36.797.188.371	9.767.212.518	410.141.905.537
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	16.593.455.861	53.774.659.874	6.134.361.217	8.021.652.376	84.524.129.328
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	(57.050.885.273)	(113.102.576.908)	(20.393.169.626)	(8.233.361.467)	(198.779.993.274)
Khấu hao trong kỳ	(3.838.790.392)	(9.710.515.564)	(2.646.117.686)	(459.512.041)	(16.654.935.683)
Thanh lý	-	-	-	106.100.400	106.100.400
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	(60.889.675.665)	(122.813.092.472)	(23.039.287.312)	(8.586.773.108)	(215.328.828.557)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	110.056.950.806	78.675.165.843	16.404.018.745	1.639.951.451	206.776.086.845
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	110.109.949.869	69.764.786.642	13.757.901.059	1.180.439.410	194.813.076.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

				VNĐ
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	51.753.032.828	2.705.904.762	1.849.217.880	56.308.155.470
Mua trong kỳ	612.000.000	-	154.640.000	766.640.000
Thanh lý, nhượng bán	(147.751.411)	-	-	(147.751.411)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>52.217.281.417</u>	<u>2.705.904.762</u>	<u>2.003.857.880</u>	<u>56.927.044.059</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	(2.383.362.056)	(703.130.847)	(1.326.008.317)	(4.412.501.220)
Hao mòn trong kỳ	(367.502.274)	(411.296.071)	(127.152.406)	(905.950.751)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>(2.750.864.330)</u>	<u>(1.114.426.918)</u>	<u>(1.453.160.723)</u>	<u>(5.318.451.971)</u>
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>49.369.670.772</u>	<u>2.002.773.915</u>	<u>523.209.563</u>	<u>51.895.654.250</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>49.466.417.087</u>	<u>1.591.477.844</u>	<u>550.697.157</u>	<u>51.608.592.088</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Máy móc, thiết bị	640.011.798	118.117.943
Nhà máy bao bì sạch	370.140.909	370.140.909
Nhà máy sản xuất thuốc viên-cốm,bột	246.901.546	246.901.546
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu Tri Tôn	245.962.287	245.962.287
Nhà máy sản xuất thuốc Nonbetalactam	235.249.091	235.249.091
Khác	469.229.269	469.229.269
TỔNG CỘNG	<u>2.207.494.900</u>	<u>1.685.601.045</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đầu tư vào công ty con (*)	8.500.000.000	8.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (**)	20.000.000.000	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	28.500.000.000	28.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(11.808.615.728)	(13.031.783.029)
GIÁ TRỊ THUẬN	16.691.384.272	15.468.216.971

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	VNĐ			
	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Vốn đầu tư (VNĐ)	% sở hữu	Vốn đầu tư (VNĐ)	% sở hữu
Công ty TNHH Domenol	8.500.000.000	100	8.500.000.000	100
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(4.620.373.945)		(2.735.385.023)	
GIÁ TRỊ THUẬN	3.879.626.055		5.764.614.977	

Công ty TNHH Domenol ("DMN") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1401164085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23 tháng 12 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. DMN có trụ sở chính tại Cụm Công nghệ Dược Kỹ thuật cao Domesco, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Hoạt động chính của DMN là sản xuất kinh doanh các hóa chất cơ bản và các sản phẩm hóa chất khác phục vụ cho việc sản xuất cồn công nghiệp. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty 100% vốn sở hữu trong công ty con này.

(**) Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Vốn đầu tư (VNĐ)	% sở hữu	Vốn đầu tư (VNĐ)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	6,67	20.000.000.000	6,67
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(7.188.241.783)		(10.296.398.006)	
GIÁ TRỊ THUẬN	12.811.758.217		9.703.601.994	

Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường ("VTC") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3700811591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. VTC có trụ sở chính tại số 99A, tổ 3A, Khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hoạt động chính của VTC là sản xuất và cung cấp bao bì chất dẻo cho các nhà sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thuốc thú y, thực phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.328.364.524	1.167.148.153
Bảo hiểm	400.412.143	16.876.268
Chi phí thuê cửa hàng, văn phòng	296.242.430	156.332.271
Chi phí khác	871.297.969	290.573.306
	<u>2.896.317.066</u>	<u>1.630.929.998</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	7.545.647.672	8.314.465.663
Chi phí sửa chữa	1.846.659.464	578.786.987
Chi phí khác	524.968.827	1.653.505.061
	<u>9.917.275.963</u>	<u>10.546.757.711</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.813.593.029</u>	<u>12.177.687.709</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải trả cho người bán	162.171.992.237	93.674.563.043
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lupin Limited Company</i>	29.106.278.000	-
<i>KHS Synchemia Corporation</i>	23.353.014.963	8.960.240.025
<i>Sinobright Pharmaceutical Limited Company</i>	14.972.563.000	-
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	94.740.136.274	84.714.323.018
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	49.447.114.393	48.075.255.641
TỔNG CỘNG	<u>211.619.106.630</u>	<u>141.749.818.684</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	31 tháng 12 năm 2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30 tháng 6 năm 2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	9.680.704.303	20.834.699.640	(20.217.517.617)	10.297.886.326
Thuế giá trị gia tăng	3.835.434.909	17.726.127.633	(21.561.562.542)	-
Thuế thu nhập cá nhân	897.983.960	204.093.286	(1.086.769.276)	15.307.970
Các loại thuế khác	950.725.132	4.776.851.840	(5.491.445.789)	236.131.183
TỔNG CỘNG	<u>15.364.848.304</u>	<u>43.541.772.399</u>	<u>(48.357.295.224)</u>	<u>10.549.325.479</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
		VNĐ
Hoa hồng bán hàng	18.834.313.565	20.636.372.929
Chi phí trích trước khác	457.275.792	856.733.966
TỔNG CỘNG	19.291.589.357	21.493.106.895

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
		VNĐ
Ngắn hạn		
Cổ tức	26.727.307.900	13.510.900
Nhận ký quỹ, ký cược	1.255.212.475	1.745.239.315
Thù lao Hội đồng Quản trị	627.746.422	505.989.987
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	236.091.160	236.091.160
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.189.551.791	908.353.046
	<u>30.035.909.748</u>	<u>3.409.184.408</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	929.097.196	1.070.431.545
TỔNG CỘNG	30.965.006.944	4.479.615.953

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VNĐ
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	178.093.360.000	229.515.239.894	147.107.874.315	73.787.152.721	628.503.626.930
Tăng vốn	89.044.610.000	(89.044.610.000)	-	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	41.179.478.967	(56.587.494.821)	(15.408.015.854)
Cổ tức công bố	-	-	-	(18.699.657.900)	(18.699.657.900)
Sử dụng quỹ	-	-	(145.969.848)	-	855.295.000
Tặng khác	-	-	855.295.000	-	(1.153.812.92)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	64.559.399.802	64.559.399.802
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	267.137.970.000	140.470.629.894	188.996.678.434	60.559.399.802	657.164.678.130
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	267.137.970.000	140.470.629.894	189.796.687.520	123.423.341.756	720.828.629.170
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	53.090.612.532	(77.504.113.795)	(24.413.501.263)
Cổ tức công bố	-	-	-	(48.084.834.600)	(48.084.834.600)
Sử dụng quỹ	-	-	(16.450.509)	-	(16.450.509)
Giảm khác (*)	-	-	-	(2.834.393.361)	(2.834.393.361)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	67.588.647.659	67.588.647.659
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	267.137.970.000	140.470.629.894	242.870.849.543	59.588.647.659	710.068.097.096

(*) Căn cứ vào Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 7 tháng 3 năm 2015, Công ty đã được phê duyệt sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để thanh toán nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh thêm và khoản phạt hành chính với số tiền là 2.834.393.361 VNĐ, theo Biên bản Quyết toán thuế cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 của Cục thuế Tỉnh Đồng Tháp ngày 14 tháng 2 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	267.137.970.000	178.093.360.000
Tăng vốn trong kỳ	-	89.044.610.000
Số cuối kỳ	<u>267.137.970.000</u>	<u>267.137.970.000</u>
Cổ tức đã trả	21.371.037.600	-

17.3 Cổ tức

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
Cổ tức cho năm 2014: 1.800 VNĐ/cổ phiếu (2013: 2.200 VNĐ/cổ phiếu)	48.084.834.600	45.413.661.900
Tạm ứng cổ tức trong năm 2014: không (2013: 1.500 VNĐ/cổ phiếu)	-	26.714.004.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	21.371.037.600	-

17.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)	Cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	26.713.797	267.137.970.000	26.713.797	267.137.970.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	26.713.797	267.137.970.000	26.713.797	267.137.970.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.713.797	267.137.970.000	26.713.797	267.137.970.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Tổng doanh thu	622.439.863.906	851.308.636.754
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	530.234.084.728	635.137.308.122
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	92.194.429.178	212.545.555.488
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	11.350.000	3.625.773.144
Các khoản giảm trừ doanh thu	(76.738.086.235)	(79.519.334.122)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(75.153.349.762)	(77.796.646.588)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.431.071.597)	(1.713.914.177)
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(153.664.876)	(8.773.357)
DOANH THU THUẦN	<u>545.701.777.671</u>	<u>771.789.302.632</u>

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	429.178.574	2.346.262
Lãi tiền gửi	226.893.791	1.116.813.525
Chiết khấu thanh toán	-	2.037.214.774
Các khoản khác	21.397.656	15.062.826
TỔNG CỘNG	<u>677.470.021</u>	<u>3.171.437.387</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Giá vốn thành phẩm đã bán	279.544.904.173	358.929.873.778
Giá vốn hàng hóa đã bán	81.065.294.051	202.547.054.483
TỔNG CỘNG	<u>360.610.198.224</u>	<u>561.476.928.261</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí bán hàng	58.096.841.610	71.282.994.587
Hoa hồng bán hàng	20.989.297.870	34.851.338.274
Chi phí lương nhân viên bán hàng	17.146.357.895	22.799.425.761
Chi phí khác	19.961.185.845	13.632.230.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.392.348.057	60.508.972.053
Chi phí lương nhân viên quản lý	21.065.931.270	26.592.065.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.379.465.148	11.494.233.127
Chi phí khấu hao	5.746.148.904	9.146.706.427
Chi phí khác	7.200.802.735	13.275.967.371
TỔNG CỘNG	<u>99.489.189.667</u>	<u>131.791.966.640</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.669.243.475	735.824.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	421.116.121	3.930.550
Chi phí lãi vay	-	3.819.612.392
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.223.167.301)	534.952.794
TỔNG CỘNG	<u>867.192.295</u>	<u>5.094.320.560</u>

22. THU NHẬP KHÁC

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	1.063.701.008	120.544.940
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	113.740.000	-
Hoàn nhập nguồn kinh phí công đoàn	-	4.627.322.479
Thu nhập khác	88.843.870	224.620.000
TỔNG CỘNG	<u>1.266.284.878</u>	<u>4.972.487.419</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí nguyên vật liệu	291.640.029.675	327.881.367.666
Chi phí nhân công	67.051.876.466	91.352.386.164
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 8, 9)	17.560.886.434	16.710.475.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.898.434.226	25.049.102.389
Chi phí khác	39.989.850.674	52.201.260.312
TỔNG CỘNG	<u>441.141.077.475</u>	<u>513.194.591.943</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.714.734.523	17.343.351.664
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	375.570.202	(333.402.912)
TỔNG CỘNG	<u>19.090.304.725</u>	<u>17.009.948.752</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận thuần trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	86.678.952.384	81.569.348.554
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thay đổi chi phí phải trả	(1.802.059.364)	(2.761.140.517)
Chi phí khấu hao vượt mức	94.922.083	-
Chi phí không được khấu trừ khác	95.160.000	25.208.617
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	85.066.975.103	78.833.416.654
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ	18.714.734.523	17.343.351.664
Thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	2.119.965.117	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	9.680.704.303	9.020.901.605
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(20.217.517.617)	(17.562.290.865)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	10.297.886.326	8.801.962.404

24.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí phải trả	4.143.548.984	4.540.002.044	(396.453.060)	333.402.912
Chi phí khấu hao vượt mức	20.882.858	-	20.882.858	-
TỔNG CỘNG	4.164.431.842	4.540.002.044	(375.570.202)	333.402.912

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Công ty TNHH CFR International Spa	Cổ đông lớn	Mua nguyên liệu	36.128.273.246	30.188.329.254
Công ty TNHH Domenol	Công ty con	Mua nguyên liệu	1.171.500.000	1.532.350.000
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	139.620.000	-

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH Domenol	Công ty con	Cho mượn	<u>670.000.000</u>	<u>1.400.000.000</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH CFR International Spa	Cổ đông lớn	Mua nguyên liệu	49.204.399.393	47.705.342.141
Công ty TNHH Domenol	Công ty con	Mua nguyên liệu	207.900.000	235.950.000
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	34.815.000	133.963.500
			<u>49.447.114.393</u>	<u>48.075.255.641</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>2.145.394.119</u>	<u>2.687.479.735</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Dưới 1 năm	852.000.000	864.500.000
Từ 1 năm đến 5 năm	1.086.000.000	85.000.000
TỔNG CỘNG	1.938.000.000	949.500.000

27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:




	VNĐ	
	31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Phải thu ngắn hạn khác	6.640.525.285	3.074.453.543	9.714.978.828
Thuế GTGT được khấu trừ	317.577.717	(317.577.717)	-
Tài sản ngắn hạn khác	3.074.453.543	(3.074.453.543)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	171.987.351.520	17.809.336.000	189.796.687.520
Quỹ đầu tư phát triển	17.809.336.000	(17.809.336.000)	-
Quỹ dự phòng tài chính	6.640.525.285	3.074.453.543	9.714.978.828


28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đoàn Thị Quyên
Người lập

Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng


 Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2015